

Số: 248/2022/QĐST - HNGĐ

Hoài Đức, ngày 17 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 371 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02/2010 ngày 13/01/2010 của Ủy ban nhân dân xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương,

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 216/2022/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Đ, sinh năm 1990; Trú tại: Căn 3324A2, Tòa HH2, lô A44, Khu đô thị hai bên đường L, xã K, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Chị N, sinh năm 1990; Trú tại: Căn 3324A2, Tòa HH2, lô A44, Khu đô thị hai bên đường L, xã K, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về tình cảm*: Anh Đ và chị N xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Đ chị N nghị xin được thuận tình ly hôn.

[2] *Về con chung*: Anh Đ và chị N có 03 (ba) con chung là cháu T, sinh ngày 21/9/2010; cháu T2, sinh ngày 07/01/2013; cháu T3, sinh ngày 23/9/2015. Ly hôn, anh chị thỏa thuận: Giao cháu T, sinh ngày 21/9/2010; cháu T2, sinh ngày 07/01/2013; cháu T3, sinh ngày 23/9/2015 cho chị N trực nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[3] *Về cấp dưỡng*: Anh Đ và chị N thỏa thuận anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000đ/cháu/ tháng. Tổng ba cháu là 15.000.000 Đ (Mười lăm triệu Đ)/tháng, kể từ tháng 7/2022 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi

khác. Anh Đ có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản chung, nhà đất*: Anh Đ và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Anh Đ và chị N xác định không có. Nếu sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp, anh chị chịu trách nhiệm trước pháp luật.

[6] *Về lệ phí*: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị N.

- *Về con chung*: Ly hôn, anh chị thoả thuận giao cho chị Nghi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 con chung là: Cháu T, sinh ngày 21/9/2010; cháu T2, sinh ngày 07/01/2013; cháu T3, sinh ngày 23/9/2015 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác.

*Về cấp dưỡng*: Ghi nhận anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000đ/cháu/tháng. Tổng ba cháu là 15.000.000 Đ (Mười lăm triệu Đ)/tháng kể từ tháng 7/2022 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**2. Về tài sản chung, nhà đất**: Anh Đ và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3. Về nợ chung**: Anh Đ và chị N xác định không có. Nếu sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp, anh chị chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**4. Về lệ phí Tòa án**: Chị N tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn Đ) Đ lệ phí việc dân sự. Xác nhận Chị N đã nộp 300.000 Đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức theo biên lai thu số AA/2020/0015733 ngày 24/5/2022.

**5.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### **Nơi nhân:**

- Các đương sự;  
- VKS huyện Hoài Đức;  
- UBND xã T,  
huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;

### **THẨM PHÁN**

